

UBND THỊ XÃ BUÔN HỒ
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông học kỳ 1, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	891	218	266	219	188
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	722 chiếm 81,03%	170 chiếm 77.98%	221 chiếm 88.08%	187 chiếm 85.39%	144 chiếm 76.6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	169 chiếm 18,97%	48 chiếm 22.02%	45 chiếm 16.92%	32 chiếm 14.61%	44 chiếm 23.4%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học tập	891	218	266	219	188
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	113 chiếm 12,68%	27 chiếm 12,39%	39 chiếm 14,66%	38 chiếm 17.35%	9 chiếm 4.79%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	291 chiếm 32,66%	77 chiếm 35,32%	87 chiếm 32,71%	79 chiếm 36.07 %	48 chiếm 25.53%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	349 chiếm 39,17%	73 chiếm 33,49%	105 chiếm 39.47%	75 chiếm 34.25%	96 chiếm 51.06%
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	137 chiếm 15,38%	41 chiếm 18,81%	34 chiếm 12,78%	27 chiếm 12.33%	35 chiếm 18.62%
III	Tổng hợp kết quả cuối học kỳ 1	891	218	266	219	188
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4/13	1/1	2/3	1/4	0/5
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	05	0	01	04	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	16	0	0	0	16
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	449/458	105/113	132/134	117/102	95/93
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	150	41	46	33	30

Thống Nhất, ngày 20 tháng 01 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hạnh